



TP.HCM ngày 14 tháng 6 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH - NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

Thời gian: Bắt đầu từ 07 giờ 30 phút, thứ Năm ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Địa điểm: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10.

Stt	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
I. Phần Nghi thức			
1	07g30 – 08g00	Đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.	Ban tổ chức
2	08g00 – 08g05	Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự.	Ban tổ chức
3	08g05 – 08g10	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.	Ban thẩm tra tư cách đại biểu
4	08g10 – 08g20	Giới thiệu và thông qua: + Thành phần Đoàn chủ tọa Đại hội. + Quy chế làm việc tại Đại hội.	Ban Tổ chức
5	08g20 – 08g30	Giới thiệu và thông qua: + Ban thư ký. + Chương trình Đại hội.	Chủ tọa đoàn
II. Phần nội dung			
1	08g30 – 08g45	<u>Nội dung 1:</u> + Báo cáo kết quả của HĐQT năm 2017 – Phương hướng hoạt động năm 2018.	Chủ tịch HĐQT
2	08g45 – 08g55	<u>Nội dung 2:</u> + Tờ trình tạm dừng 3 nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.	Chủ tịch HĐQT
3	08g55 – 09g10	<u>Nội dung 3:</u> + Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 của Công ty – Phương hướng nhiệm vụ năm 2018.	Tổng giám đốc
4	09g10 – 09g20	<u>Nội dung 4:</u> + Báo cáo tiến trình giải thể Công ty LD Vikotrade.	Tổng Giám đốc
5	09g20 – 09g35	<u>Nội dung 5:</u> + Báo cáo tài chính năm 2017 (đã kiểm toán). Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi trả cổ tức năm 2017.	Chủ tọa đoàn
6	09g35 – 09g45	<u>Nội dung 6:</u> + Báo cáo chi trả thù lao năm 2017 và dự kiến mức thù lao năm 2018 của HĐQT và BKS.	Chủ tọa đoàn
7	09g45 – 10g00	<u>Nội dung 7:</u> + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017-Phương hướng năm 2018.	Trưởng Ban kiểm soát
8	10g00 – 10g10	<u>Nội dung 8:</u> + Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.	Chủ tịch HĐQT
9	10g10 – 10g20	<u>Nội dung 9:</u> + Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	TV. HĐQT
10	10g20 – 10g30	<u>Nội dung 10:</u> + Tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.	Chủ tọa đoàn
11	10g30 – 11g00	+ Thảo luận và biểu quyết các nội dung Đại hội	Chủ tịch HĐQT
12	11g00 – 11g15	+ Nghi giải lao.	
III. Phần kết thúc Đại hội			
1	11g15 – 11g25	+ Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
2	11g25 – 11g30	+ Tổng kết và bế mạc Đại hội	Chủ tọa đoàn



**BÁO CÁO CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2018, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Hữu Nghị, được ủy nhiệm của Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm có:

1. Ông (Bà): *Nguyễn Thị Kim Thanh* Trưởng ban
2. Ông (Bà): *Luong Thị Ánh Nguyệt* Thành viên

Sau khi thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội như sau:

1. Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Hữu Nghị có tổng số vốn điều lệ là 39.437.100.000 đồng, tương ứng 3.943.710 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:

- Cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước: 3.441.320 cổ phần (*chiếm tỷ lệ 87,26%*)
- Cổ phần thuộc sở hữu cá nhân và tổ chức khác : 502.390 cổ phần (*chiếm tỷ lệ 12,74%*)
(*Trong đó có 5.920 cổ phiếu quỹ*).

2. Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội (theo danh sách cổ đông **chốt ngày 11/06/2018**) là **103** cổ đông là chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu của **3.937.790 cổ phần có quyền biểu quyết**.

3. Tổng số cổ đông tham dự Đại hội ngày hôm nay là _____ cổ đông.

+ Sở hữu và đại diện sở hữu: _____ cổ phần, đạt tỷ lệ: _____ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Tổng số cổ đông vắng mặt có ủy quyền: _____ người, số cổ phần ủy quyền: _____ cổ phần.

+ Tổng số cổ đông vắng mặt không ủy quyền: _____ người, số cổ phần không ủy quyền _____ cổ phần.

Với kết quả nêu trên, căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 22 Điều lệ Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị, Ban thẩm tra tư cách cổ đông xin công bố:

1. Tất cả các cổ đông và người đại diện được ủy quyền hợp lệ có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức ngày hôm nay đều có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Số cổ đông hiện diện và được ủy quyền đại diện hợp lệ tại Đại hội này sở hữu trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty nên đã hội đủ điều kiện để Đại hội được tiến hành phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của Công ty.

Trân trọng báo cáo./.

TM. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Nguyễn Thị Kim Thanh



TP. HCM, ngày 11 tháng 6 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN CN-TM HỮU NGHỊ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị;

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị xin báo cáo Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I/ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội; ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

II/ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI:

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi họ tên cổ đông, số ĐKSH, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu nghị.

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội theo điều khiển của Chủ tọa đoàn.

- Các trường hợp biểu quyết:

* Khi biểu quyết về các vấn đề Phần nghi thức gồm: Giới thiệu và thông qua Thành phần Đoàn chủ tọa Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Ban thư ký; Chương trình Đại hội, các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) thông qua việc



giơ thẻ biểu quyết lên cao theo hướng dẫn của Chủ tọa đoàn. Tổ kiểm phiếu ghi nhận phần biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cổ đông.

* Khi biểu quyết về các vấn đề Phần nội dung các báo cáo, cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua việc bỏ phiếu biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tổ kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm đếm số phiếu biểu quyết tương ứng theo biểu quyết của các cổ đông tại Đại hội.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sẽ được thông báo sau khi biểu quyết tất cả các vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp.

3. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

- Riêng đối với Nghị quyết về các nội dung sau đây được coi là thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ gồm: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty.

III/ QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN:

1/ Thành phần Chủ tọa đoàn:

Chủ tọa đoàn do Ban tổ chức dự kiến, sau đó giới thiệu trước Đại hội biểu quyết và thông qua bằng phiếu biểu quyết. Chủ tọa đoàn có 04 người gồm thành phần như sau:

- | | |
|----------------------------|------------------------------|
| 1/ Ông Lê Tấn Dương | : Chủ tịch Hội đồng Quản Trị |
| 2/ Ông Võ Hồng Phong | : Tổng Giám đốc Công ty |
| 3/ Ông Vũ Cương Quyết | : Phó Tổng Giám đốc Công ty |
| 4/ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | : Trưởng Ban Kiểm Soát |

2/ Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa đoàn:

- Điều kiện Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác. Ngoài ra có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

* Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

* Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

* Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

- Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

IV/ NHIỆM VỤ CỦA BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc sở hữu cổ phần hoặc đại diện sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ, nếu có ủy quyền phải làm theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty quy định.

- Báo cáo với Chủ tọa đoàn xem xét lại tư cách cổ đông đối với các trường hợp không đủ tư cách đại diện tham dự theo quy định.

- Báo cáo cơ cấu cổ đông, số lượng cổ đông tham dự và tuyên bố Đại hội cổ đông đã đủ điều kiện để tiến hành khi đảm bảo nội dung tại Mục I- Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

V/ NHIỆM VỤ CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI:

Thư ký Đại hội do Ban tổ chức dự kiến, sau đó giới thiệu trước Đại hội biểu quyết và thông qua bằng phiếu biểu quyết. Thư ký đoàn gồm có 02 người, giúp việc tại Đại hội gồm những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Ghi rõ các số lượng và tỷ lệ biểu quyết đóng góp cho các nội dung mà Đại hội thảo luận và thông qua.

- Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

VI/ NHIỆM VỤ CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- Đại hội đề cử những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của tổ kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật.

- Tổ kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của Đại hội.

- Tổ kiểm phiếu xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về việc biểu quyết tại Đại hội.

VII/ PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI:

- Cổ đông được phát biểu khi Chủ tọa đoàn mời hoặc giơ tay đề nghị được phát biểu và được Chủ tọa đoàn đồng ý.

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa đoàn có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

VIII/ TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI:

- Cổ đông đi đúng giờ theo thư mời, ngồi đúng vị trí do Ban tổ chức sắp xếp.

- Không nói chuyện riêng, làm việc riêng trong Đại hội. Không hút thuốc lá, không sử dụng điện thoại di động. Trang phục lịch sự.

- Tham gia đóng góp ý kiến các vấn đề do Chủ tọa đoàn gợi ý thảo luận.

- Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, TPHCM

CỔ PHẦN Mã số doanh nghiệp: 0300743380

Điện thoại: 028-38308899 Fax: 028-38301802



THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CN - TM HỮU NGHỊ

THỨ NĂM, NGÀY 28 THÁNG 6 NĂM 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP-THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

Trân trọng thông báo

Quý cổ đông:

Địa chỉ:

Số ĐKSH:

Số lượng cổ phần: CP

Đến dự

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP-THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

Vào lúc **07** giờ **30** Ngày **28** tháng **6** năm **2018** (Thứ Năm)

Tại: Văn phòng Công ty CP CN-TM Hữu Nghị

Số: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, TPHCM (Lầu 6)

Rất hân hạnh được đón tiếp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2018

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tấn Dương

- Đề công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, cổ đông vui lòng xác nhận tham dự. (Thời gian trước 17 giờ 00 ngày 26/6/2018, theo số ĐT: 028.38308899 – 0917.377980 (C.Dung); Số Fax: 38301802).

- Các tài liệu Đại hội được đăng trên website của Công ty: <http://ftic.vn> – Mục “Quan hệ cổ đông”.

- Cổ đông mang theo Thông báo mời họp, Thẻ căn cước công dân/Giấy CMND/Hộ chiếu, để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

1. Thông tin cổ đông (người ủy quyền):

- Tên cá nhân/Tổ chức:
- Số ĐKSH:
- CMTND (Hộ chiếu)/ĐKKD:..... Cấp ngày...../...../..... Tại:.....
- Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
- Số cổ phần sở hữu:.....

2. Thông tin người được ủy quyền:

- Tên cá nhân/Tổ chức:
- CMTND (Hộ chiếu)/ĐKKD:..... Cấp ngày...../...../..... Tại:.....
- Địa chỉ thường trú/Trụ sở:
- Số cổ phần được ủy quyền:

3. Nội dung ủy quyền:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

4. Thời hạn ủy quyền:

- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

(Lưu ý: Người nhận ủy quyền mang theo Giấy ủy quyền, Thẻ căn cước/CMND/Hộ chiếu, để đăng ký tham dự Đại hội).

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Kí và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Kí và ghi rõ họ tên)

Xác nhận hợp lệ của Ban Tổ chức Đại hội

**PHIẾU BIỂU QUYẾT****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

Tên cổ đông:

Địa chỉ:

Số ĐKSH:

Số cổ phần: CP

Số phiếu biểu quyết: Tương đương số lượng cổ phần sở hữu.

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT (Cổ đông biểu quyết ý kiến nào thì ký tên vào ô tương ứng, sau đó ký xác nhận thông tin ở cuối Phiếu biểu quyết)

TT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả của HĐQT năm 2017 – Phương hướng hoạt động năm 2018.			
2	Thông qua Tờ trình tạm dừng 3 nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.			
3	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 của Công ty – Phương hướng nhiệm vụ năm 2018.			
4	Thông qua Báo cáo tiến trình giải thể Công ty LD Vikotrade.			
5	Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi trả cổ tức năm 2017.			
6	Thông qua Báo cáo chi trả thù lao năm 2017 và dự kiến mức thù lao năm 2018 của HĐQT và BKS.			
7	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 – Phương hướng năm 2018.			
8	Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty.			
9	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.			
10	Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.			

Ngày tháng năm 2018
CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

Cổ đông xem hình thức bỏ phiếu từ xa ở mặt sau của Phiếu biểu quyết.

Hình thức bỏ phiếu từ xa

- Trong trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội và không ủy quyền cho đại diện tham dự Đại hội thì Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa.

- Việc bỏ phiếu từ xa được thực hiện như sau:

+ Cổ đông truy cập vào website: <http://ftic.vn> – Mục “Quan hệ cổ đông” để tham khảo các thông tin về Đại hội, nội dung biểu quyết.

+ Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết bằng hình thức thư đảm bảo về địa chỉ Công ty, đảm bảo thời gian nhận chậm nhất là **16 giờ 00 ngày 27/6/2018** (tính theo dấu bưu điện). Ngoài phong bì ghi rõ thông tin người gửi và người nhận như sau:

* Người gửi:

Họ tên:

Địa chỉ:

Số ĐKSH:

* Người nhận:

VP Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị (Thư ký HĐQT).

Địa chỉ : 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10 , TPHCM.

Điện thoại : 028 38308899 – 0917.377980 (C.Dung)

- Tại thời điểm cổ đông bắt đầu đăng ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu căn cứ thông tin người gửi, đối chiếu với “Danh sách cổ đông tham dự Đại hội ĐHĐCD thường niên 2018” để xác định tính hợp lệ.

- Khi tư cách cổ đông đã được xác định là hợp lệ, phong bì (vẫn còn dán kín) của Cổ đông sẽ được gửi cho Ban kiểm phiếu vào thời điểm tiến hành việc biểu quyết.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Căn cứ Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 30/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017,

Hội đồng quản trị Công ty đã nhanh chóng triển khai các nội dung, thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và chỉ đạo sát sao trong công tác quản lý. Trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) hôm nay, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty trân trọng báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

I./ Về công tác quản trị:

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 gồm 4 thành viên:

- Ông Lê Tấn Dương : Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Võ Hồng Phong : Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ông Vũ Cương Quyết : Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ông Đỗ Trọng Toàn : Thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Tham gia các phiên họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Lê Tấn Dương	12	100%	
2	Võ Hồng Phong	12	100%	
3	Vũ Cương Quyết	12	100%	
4	Đỗ Trọng Toàn	12	100%	

2.2. Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT:

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc chỉ đạo sát sao, đôn đốc hoạt động của Ban điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, các buổi làm việc hàng tuần, góp ý kiến chỉ đạo...nhằm triển khai thực hiện kết hoạch kinh doanh cũng như thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017. Theo đó, HĐQT đã thông qua 11 biên bản họp, và ban hành 13 nghị quyết.

2.3. Đánh giá chung việc thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:



Năm 2017, Hội đồng quản trị đã có nhiều cuộc họp, nhiều buổi làm việc với Ban Tổng Giám đốc để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, và đã hoàn thành việc phối hợp với cổ đông lớn để cổ đông tiến hành thẩm định giá thoái vốn theo quy định; thực hiện việc tính toán hiệu quả khai thác, sử dụng các tài sản trên đất để có phương án hoạt động phù hợp.

Tuy nhiên, trong điều kiện đơn vị còn gặp nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị nói chung và bản thân từng thành viên Hội đồng quản trị nói riêng nhận thấy rằng vẫn còn một số mặt chưa đạt được yêu cầu như mong muốn của quý cổ đông và của tập thể người lao động trong Công ty, như: Chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông trong dự án chung cư cao tầng tại 279 Nơ Trang Long; chưa hoàn thành việc tái cơ cấu lại Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Công ty; chưa hoàn thành công tác giải thể Công ty liên doanh Vikotrade; Đã rà soát nhưng chưa thực hiện việc điều chỉnh các quy chế của Công ty.

Nhìn chung, qua thực hiện nhiệm vụ năm 2017, Hội đồng quản trị đã bám sát theo diễn biến thực tế nhằm kịp thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Từng thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích của cổ đông và vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.

3. Tổng kết số cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tuân thủ đúng các quy định điều lệ của Công ty, đã tiến hành tổ chức 11 cuộc họp thường kỳ, 1 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản; 1 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, 1 lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thông qua các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, Đại hội đồng cổ đông đã ban hành 2 Nghị quyết (trong đó có 1 Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản); Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị quyết (trong đó có 1 Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản). Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên.

- Thông qua các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm, ban hành các Nghị quyết, quyết định cần thiết phục vụ cho hoạt động của Công ty. Các quyết định quan trọng đã được thông qua như sau:

STT	Phiên họp ngày	Nội dung được thông qua
1	05/01/2017	- Xem xét, đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2016. - Ban hành NQ số 02/NQ-HĐQT ngày 09/01/2017 về “Triển khai thực hiện công việc” (mô hình tổ chức Công ty; Kế hoạch SXKD năm 2017; xử lý sau kiểm kê tại 279 Nơ Trang Long; công tác giải thể Công ty liên doanh Vikotrade; hợp đồng hợp tác với Hoàng Anh Mê Kông; Biên bản bàn giao Tổng Giám đốc Công ty; hỗ trợ tại địa điểm 35 Lê Lợi, quận 1; mẫu sổ cổ đông; thuế (phần 451 m ²) tại mặt bằng 11 Đoàn Văn Bơ; tình hình công nợ; Rà soát, điều chỉnh các quy chế, Thỏa ước).
2	23/01/2017	- Ban hành NQ số 05/NQ-HĐQT2017 ngày 23/01/2017 về “Cử người đại diện liên hệ Trung tâm lưu ký chứng khoán, Người phụ trách công bố thông tin”; - Ban hành NQ số 06/NQ-HĐQT2017 ngày 23/01/2017 về “Mã cổ phiếu Công ty”.
3	25/01/2017	Ban hành NQ số 08/NQ-HĐQT2017 ngày 25/01/2017 về “Áp dụng Thang, bảng lương năm 2016 và xây dựng Thang, bảng lương năm 2017”.

STT	Phiên họp ngày	Nội dung được thông qua
4	07/02/2017	Báo cáo việc thực hiện sửa đổi sổ cổ đông.
5	15/02/2017	Ban hành NQ số 13/NQ-HĐQT.2017 ngày 16/02/2017 về “Xử lý 67 cổ phần chưa được phân phối hết trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần”.
6	01/3/2017	- Ban hành NQ số 15/NQ-HĐQT.2017 ngày 01/3/2017 về “Quỹ lương kế hoạch năm 2016”; - Ban hành NQ số 16/NQ-HĐQT.2017 ngày 15/3/2017 về “Chi bổ sung lương, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN khi áp dụng Thang, bảng lương năm 2016”.
7	16/6/2017	- Nội dung công tác chuẩn bị, hồ sơ ĐHĐCĐ 2017; - Công nợ của khách hàng tại 279 Nơ Trang Long; - Ban hành NQ số 24/NQ-HĐQT.2017 ngày 20/6/2017 về “Công việc cần thực hiện để hoàn tất việc giải thể Công ty Vikotrade”.
8	20/6/2017	- Ban hành NQ số 22/NQ-HĐQT.2017 ngày 20/6/2017 về “Đăng ký công ty đại chúng, đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom”.
9	20/6/2017	- Phương án kinh doanh Tòa nhà 357 LHP; - Ban hành NQ số 25/NQ-HĐQT.2017 ngày 20/6/2017 về “Trình ĐHĐCĐ kế hoạch sản xuất kinh doanh, và thông qua quỹ lương kế hoạch năm 2017”.
10	01/9/2017	- Xem xét, thông qua phương án kinh doanh tại 279 Nơ Trang Long; - Ban hành NQ số 34/NQ-HĐQT.2017 ngày 04/9/2017 về “Thanh lý tài sản còn lại tại kho 279 Nơ Trang Long; ban hành quy trình công bố thông tin”.
11	11/10/2017	- Ban hành NQ số 37/NQ-HĐQT.2017 ngày 18/10/2017 về “Ngày giao dịch đầu tiên; Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên”.
12	20/12/2017 (Lấy ý kiến bằng VB)	Ban hành NQ số 39/NQ-HĐQT.2017 ngày 22/12/2017 về “Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017”.

4. Thực hiện chi trả thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT năm 2017:

- Thù lao thành viên HĐQT:

Trong năm 2017, tổng thù lao Hội đồng quản trị là 112.320.000 đồng/thù lao được ĐHĐCĐ phê duyệt là 137.160.000 đồng, chi tiết từng thành viên như sau:

ĐVT: đồng

STT	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	Ghi chú
1	Lê Tấn Dương	37.800.000	
2	Võ Hồng Phong	24.840.000	
3	Vũ Cương Quyết	24.840.000	
4	Đỗ Trọng Toàn	24.840.000	

- Lương kiêm nhiệm chức danh quản lý của thành viên HĐQT:

ĐVT: đồng

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh quản lý kiêm nhiệm	Tổng lương năm 2017	Ghi chú
1	Võ Hồng Phong	Tổng Giám đốc	138.707.692	
2	Vũ Cương Quyết	Phó Tổng Giám đốc	121.091.923	

- Chi phí:

Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình (theo quy định tại Khoản 4 Điều 39 Điều lệ Công ty).

Tuy nhiên, nhận thấy do Công ty còn khó khăn nên các thành viên HĐQT không tính chi phí với Công ty, mà tự trang trải các khoản chi phí cho hoạt động liên quan tới phân công việc của mình.

II./ Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

1. Về thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2017 (theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán) như sau:

- Doanh thu: 4.770.624.302 đồng;
- Lợi nhuận: - 14.909.960.456 đồng;
- Nộp Ngân sách: 4.472.806.513 đồng.

2. Về thực hiện mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 30/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị đã triển khai, đôn đốc thực hiện mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động theo Nghị quyết đề ra. Kết quả thực hiện như sau:

2.1/ Phối hợp với cổ đông lớn để cổ đông thoái vốn theo quy định:

- Công ty đã phối hợp với Công ty thẩm định giá và tư vấn, cung cấp hồ sơ đề đơn vị thẩm định giá và tư vấn ra chứng thư thẩm định giá, phương án thoái vốn vào ngày 07/7/2017.

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 881/QĐ-SGDHN ngày 20/10/2017, chấp thuận cho Cty Hữu Nghị được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội.

2.2/ Khẩn trương thực hiện việc tính toán hiệu quả sử dụng tài sản trên đất để có Phương án hoạt động phù hợp:

- Tòa nhà 357 Lê Hồng Phong: Trung tâm tin học đã trả lại Tòa nhà (do hết hạn hợp đồng). Công ty đã xây dựng phương án để sử dụng hiệu quả Tòa nhà này và đang xem xét phương án sử dụng Tòa nhà.

- Tại 279 Nơ Trang Long:

+ Đối với phần diện tích 4.802,9m²: đang sử dụng kho 1.000 m², phần diện tích còn lại đang quản lý theo quy định.

2.9/ Về tái cơ cấu lại Công ty:

Theo thống nhất của HĐQT, hiện nay, Tổng Giám đốc đang xây dựng phương án để sử dụng lao động tại 357 Lê Hồng Phong.

2.10/ Về thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long:

Thời điểm trước đây, Công ty có kế hoạch bán thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long, Bình Thạnh để có doanh thu, tăng hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên, hiện nay, Công ty đã đưa tài sản này vào giá trị thẩm định nên chưa thực hiện được việc thanh lý này.

3. Hoạt động khác:

- Triển khai, thực hiện Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ “Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng”.

- Lập trang thông tin điện tử, Website:<http://www.ftic.vn>; và ủy quyền người phụ trách công bố thông tin.

- Hội đồng quản trị cũng đã ban hành Quy trình công bố thông tin của Công ty theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQT.2017 ngày 04/9/2017.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

a. Giám sát hoạt động kế hoạch SXKD:

Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết thông qua kế hoạch SXKD, qua đó, Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động.

Định kỳ quý, 6 tháng họp xem xét kết quả SXKD, ra biên bản, nghị quyết để Ban Tổng Giám đốc thực hiện.

Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty chưa đạt theo kế hoạch đề ra, kết quả kinh doanh lỗ. Việc giảm doanh thu có lý do khách quan; và chi phí cao là do trích lập toàn bộ các khoản dự phòng theo quy định, đồng thời trích đóng các khoản phải nộp cho Nhà nước, chi trả lương, trích đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động để duy trì hoạt động Công ty.

b. Về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT:

Qua các cuộc họp, có 11 nội dung công việc được phân công theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (Ban TGD hoàn thành 7 nội dung); 24 nội dung công việc được phân công theo Biên bản họp HĐQT (Ban TGD hoàn thành 17 nội dung); 21 nội dung công việc được phân công theo Nghị quyết của HĐQT (Ban TGD hoàn thành 15 nội dung). Tại cuộc họp HĐQT (Biên bản số 03/BB-HĐQT.2018) ngày 07/5/2018, đã đánh giá các công việc hoàn thành, chưa hoàn thành. Các công việc chưa hoàn thành giao Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện.

Trong năm 2017, đã hoàn thành một số nội dung chủ yếu như sau:

- Tích cực phối hợp cùng Cổ đông lớn thực hiện nhiệm vụ thoái vốn tại Công ty Hữu Nghị.

- Thực hiện Quy trình công bố thông tin của Công ty.

- Xây dựng phương án để khai thác tài sản trên đất.

- Hoàn thành việc xây dựng quỹ lương kế hoạch năm 2017.

- Hoàn tất thủ tục để cơ quan thuế hoàn trả lại số tiền thuế là 271.198.105 đồng của phần diện tích 451m² tại mặt bằng 11 Đoàn Văn Bơ.

- Giải quyết dứt điểm 1 công nợ của đơn vị thiếu nợ vào tháng 12/2017.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2017 còn 11 nội dung chưa hoàn thành (đến thời điểm cuối năm 2017).

III./ Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

Năm 2018, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động của Công ty trình ĐHĐCĐ như sau:

1. Chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- | | | | |
|---|---------|---------------|-------|
| - Doanh thu: | | 7.466.727.273 | đồng; |
| - Lợi nhuận: | dự kiến | 224.924.916 | đồng; |
| - Nộp Ngân sách (số phải nộp tạm tính): | | 1.984.000.000 | đồng. |

2. Tiếp tục phối hợp với cổ đông lớn để cổ đông hoàn thành việc thoái vốn theo quy định.

3. Tiếp tục thực hiện việc tính toán hiệu quả việc sử dụng tài sản của Công ty.

4. Tiếp tục việc thanh lý hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông trong dự án tại 279 Nơ Trang Long, Bình Thạnh.

5. Công tác giải thể Công ty liên doanh Vikotrade.

6. Căn cứ tình hình thực tế tái cơ cấu lại Công ty cho phù hợp trong từng thời điểm.

7. Giao TGD rà soát lại công nợ và Báo cáo HĐQT hướng xử lý đối với các công nợ.

8. Xét duyệt và ban hành Thang, bảng lương Công ty năm 2018.

9. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các quy chế của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

10. Báo cáo và trình ĐHĐCĐ để dừng thực hiện 3 nội dung công việc:

- Thanh lý hợp đồng với Công ty Phước Nam – Ninh Thuận trong dự án tại 13C Kỳ Đồng;

- Rà soát lại và hoàn chỉnh theo thực tế hiện nay đối với Dự án di dời đầu tư chiều sâu mở rộng sản xuất sản phẩm xe đạp hoàn chỉnh và sản phẩm cơ khí nội thất;

- Thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long).

11. Thực hiện công tác tăng cường quản trị Công ty: Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty và thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC nhằm mục đích tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động của Công ty và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

12. Xem xét đánh giá 11 công việc đã giao TGD năm 2017 còn tồn đọng chuyển sang thực hiện năm 2018.

13. Xem xét phương án sử dụng tài sản của Công ty.



Đồng thời, HĐQT sẽ luôn theo dõi và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đề ra các chủ trương, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 và thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người lao động. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của đơn vị. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, kịp thời khắc phục những việc tồn tại chưa đạt được.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018. Với tinh thần trách nhiệm và vì lợi ích chung của Công ty, Hội đồng quản trị mong nhận được những ý kiến đóng góp thiết thực, chân tình của các Quý cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn tới các quý vị cổ đông đã luôn ủng hộ HĐQT trong năm qua. Chúc Quý cổ đông luôn luôn mạnh khỏe, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2018.

Trân trọng kính chào./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Lê Tấn Dương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018

Về tạm dừng 3 nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017

Căn cứ tình hình thực tế hiện nay của Công ty;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 03/BB-HĐQT.2018 ngày 07 tháng 5 năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua việc tạm dừng thực hiện 3 nội dung công việc được phân công theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, cụ thể như sau:

1. Không tiếp tục thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty Phước Nam – Ninh Thuận trong dự án tại 13C Kỳ Đồng, Quận 3:

Lý do: Đến thời điểm hiện nay, Công ty Phước Nam-Ninh Thuận vẫn chưa có liên lạc với Công ty Hữu Nghị về hợp đồng trong dự án tại 13C Kỳ Đồng, Quận 3. Qua rà soát số liệu thì không có chi phí phát sinh đối với dự án này tại Công ty Hữu Nghị, nên Công ty không có cơ sở để thanh lý hợp đồng.

2. Không tiếp tục rà soát lại và hoàn chỉnh theo thực tế hiện nay đối với Dự án di dời đầu tư chiều sâu mở rộng sản xuất sản phẩm xe đạp hoàn chỉnh và sản phẩm cơ khí nội thất:

Lý do: Đối với Dự án di dời đầu tư chiều sâu mở rộng sản xuất sản phẩm xe đạp hoàn chỉnh và sản phẩm cơ khí nội thất, Công ty không có nguồn nhân lực để thực hiện Dự án. Mặt khác, muốn đầu tư phải xin ý kiến cổ đông lớn, mà cổ đông lớn thì đang chờ bán cổ phần để thoái vốn tại Công ty Hữu Nghị. Theo đó, Công ty chưa có vốn để đầu tư vào Dự án.

3. Không tiếp tục việc thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long:

Lý do: Thời điểm trước đây, Công ty có kế hoạch bán thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long, Bình Thạnh để có doanh thu, tăng hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên, hiện nay, Công ty đã đưa tài sản này vào giá trị thẩm định nên chưa thực hiện được việc thanh lý này.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tấn Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017, thực hiện theo các Nghị quyết của HĐQT Công ty Hữu Nghị, Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thực hiện kịp thời các chủ trương của HĐQT về mọi hoạt động của Công ty CP CN TM Hữu Nghị. Nay Ban điều hành Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban điều hành Công ty như sau:

I./ Tình hình hoạt động chung của Công ty:

Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo và triển khai kịp thời các hoạt động của Công ty đến các phòng ban nghiệp vụ thực hiện và luôn được sự hỗ trợ nghiệp vụ của các phòng ban chuyên môn;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và các Nghị quyết Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai các nội dung công việc. Kết quả trong năm 2017 đã hoàn thành một số nội dung chủ yếu như sau:

+ Hoàn thành các thủ tục để cổ phiếu Công ty giao dịch trên sàn Upcom. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có quyết định số 881/QĐ-SGDHN ngày 20/10/2017, chấp thuận cho Công ty Hữu Nghị được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội.

+ Hoàn thành các thủ tục để cơ quan thuế xác định giá thuê đất mới tại mặt bằng 279 Nơ trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh và cơ quan thuế đã ra thông báo về giá thuê đất mới ổn định trong 5 năm, hoàn thành sớm việc này đã đem lại hiệu quả rất lớn trong năm tài chính 2017 của Công ty.

Tồn tại:

- Khẩn trương hợp tác để hoàn tất các thủ tục của dự án cho phần diện tích 3.202 m²;
- Nhanh chóng hoàn thành công tác giải thể Công ty liên doanh Vikotrade. Thúc đẩy nhanh việc giải quyết mặt bằng 257 Nơ Trang Long;
- Rà soát lại công nợ và Báo cáo HĐQT hướng xử lý đối với các công nợ;
- Báo cáo HĐQT việc xử lý tài sản thất thoát sau kiểm kê;
- Đối với mặt bằng tại 357 Lê Hồng Phong, Quận 10: Công ty đã có phương án sử dụng Tòa nhà, đây là công việc trọng tâm phải thực hiện sớm mới có khả năng tháo gỡ khó khăn về tài chính của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị vẫn còn gặp nhiều khó khăn, mọi hoạt động chỉ duy trì ổn định là do khai thác tài sản của Công ty Hữu Nghị.



II. Kết quả SXKD năm 2017:

1./ Những kết quả đạt được:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017:

BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	14.434	4.771	33,05 %
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	225	-14.910	-6621,38%
3	Nộp Ngân sách	Tr.đ	14.231	4.473	31,43 %
4	Thu nhập lương bình quân (người/tháng)	1.000 đ	5.651	5.106	90,36%
5	Tổng số lao động	Người	33	33	100%

(Ngày 26/12/2017, Cổ đông lớn có Công văn số: 141/CNS-HĐTV về điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh năm 2017 của Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị gồm hai chỉ tiêu như sau: Doanh thu kế hoạch điều chỉnh năm 2017 là: 4.500.370.061 đồng và Lợi nhuận kế hoạch điều chỉnh năm 2017 là: -7.887.322.879 đồng. Tuy nhiên thời điểm Cổ đông lớn đồng ý điều chỉnh kế hoạch vào thời điểm cuối tháng 12/2017 nên HĐQT không đủ thời gian xin ý kiến ĐHĐCĐ và nếu lấy được ý kiến của ĐHĐCĐ thì đã qua năm 2018).

Lợi nhuận: Lỗ 14.909.960.456 đồng, do kiểm toán PKF đã xử lý thêm các chi phí tồn đọng như: Trích lập dự phòng công nợ tồn đọng đã lâu năm và trích lập giảm giá hàng tồn kho theo TT228/2009/TT-BTC.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Các chỉ tiêu cơ bản (doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách) thực hiện trong năm 2017 so với kế hoạch đều không đạt:

- Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch:

Hoạt động tại số 35 Lê Lợi bị giảm khoảng 6.782.668.690 đồng, do cuối năm 2016 Công ty Hữu Nghị phải di dời toàn bộ Văn phòng làm việc từ 35 Lê Lợi về 357 Lê Hồng Phong để bàn giao lại mặt bằng 35 Lê Lợi theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;

Hoạt động theo kế hoạch năm 2017 bị giảm từ 7.651.493.580 đồng xuống còn 4.770.624.302 đồng. Do Trung tâm tin học – Đại học Khoa học Tự nhiên di dời đã trả Tòa nhà 357 Lê Hồng Phong vào tháng 5 năm 2017 (do hết hạn), nên hoạt động tại Tòa nhà 357 Lê Hồng Phong giảm từ 3.601.958.185 đồng, xuống còn 1.319.682.955 đồng. Công ty là đơn vị có vốn Nhà nước trên 51%, theo công năng của Tòa nhà này là Văn phòng Công ty, đất thuê trả tiền hàng năm nên phải thực hiện theo đúng công năng và mục đích thuê đất.

- Về chi phí năm 2017:

Các chi phí lớn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh là:

+ Chi phí trích lập dự phòng tài chính của hoạt động đầu tư liên doanh Công ty Hữu Nghị vào Công ty Liên doanh Vikotrade, số tiền trích lập là: 6.075.697.254 đồng (từ thời điểm 31/12/2017);

+ Chi phí trả trước cho người lao động nghỉ việc theo Quyết định 86 là: 1.080.697.240 đồng (Chi phí phát sinh 2016 phân bổ cho năm 2017);

+ Chi phí trả trước tiền truy thu thuế đất 10 năm (từ 2006 đến 2016) của mặt bằng 35 Lê Lợi, Quận 01; 11 Đoàn Văn Bơ, Quận 04 là 965.723.740 đồng;

+ Trích lập dự phòng công nợ và hàng tồn kho là: 2.545.564.481 đồng trong đó Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi Công ty TNHH SX xe đạp điện Anpha là 482.218.500 đồng, Công ty TNHH Tư Vấn Kiến trúc Xây dựng Com là 1.800.000.000 đồng; chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do kém phẩm chất, bị lỗi thời là 263.345.981 đồng.

Các chi phí trên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động của Công ty năm 2017 ($10.677.682.715/19.680.584.758 = 54\%$)

+ Ngoài ra Chi phí lương, bảo hiểm, các khoản phụ cấp cho người lao động là 2.890.905.109 đồng, chiếm tỷ trọng trong 14%.

- Về nộp Ngân sách 2017:

Số đã nộp trong năm: 4.472.806.513 đồng, so với kế hoạch đạt **31,43%**.

Số còn nợ Ngân sách đến 31/12/2017 là: 4.196.857.539 đồng.

b) Các hoạt động khác:

Về hoạt động giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade:

Việc giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade chưa kết thúc do chưa xử lý được nhà xưởng trên đất và mặt bằng tại mặt bằng 257 Nơ Trang Long, nợ tiền thuê đất Công ty không còn khả năng để thực hiện nghĩa vụ.

Về đầu tư vào Công ty Bất động sản Sài Gòn Đông Dương:

Công ty Hữu Nghị đã đầu tư vào Công ty Bất động sản Sài Gòn Đông Dương số tiền là 1 tỷ đồng từ ngày 17/03/2009, Đến nay (9 năm) chưa được chia cổ tức.

2./ Công tác quản lý và điều hành đơn vị:

Công ty tiếp tục duy trì bộ máy hoạt động, sử dụng người lao động hợp lý để giảm bớt chi phí cho đơn vị và tăng thêm khoản thu nhập cho nhân viên kiêm nhiệm.

3./ Giải quyết việc làm, đời sống và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

Thu nhập lương bình quân năm 2017 là 5.106.449 đồng/người/tháng. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, các chế độ chính sách khác cho người lao động.

4./ Công tác bảo vệ an toàn đơn vị và an toàn vệ sinh lao động – PCCC:

Công tác an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ và công tác an toàn vệ sinh thực phẩm đã được người lao động chấp hành nghiêm túc. Trong năm 2017, Công ty không để xảy ra sự cố đáng tiếc nào.

5./ Công tác hai đoàn thể:

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các phong trào do hai đoàn thể và cấp trên phát động.



III/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018:

1./ Các chỉ tiêu chủ yếu:

+ Căn cứ tình hình thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch năm 2018 trình Hội đồng quản trị với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	7.467
2	Lợi nhuận	Tr.đ	225
3	Nộp ngân sách	Tr.đ	1.984

2./ Về thực hiện những công tác trọng tâm:

- Tiếp tục xử lý các khoản nợ còn tồn đọng lâu năm;
- Tiếp tục thực hiện các bước thủ tục để giải thể Công ty liên doanh Vikotrade theo qui định của pháp luật;
- Xây dựng phương án lao động tại Tòa nhà 357 Lê Hồng Phong, thống nhất với người lao động để thực hiện.
- Về sử dụng tài sản:

+ Đối với mặt bằng 357 Lê Hồng Phong, Quận 10, Công ty tiếp tục hoàn thiện phương án sửa dựng.

+ Đối với địa điểm 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh (diện tích 3.202 m²), Công ty đã nộp hồ sơ thuê đất, thuê ngắn hạn theo hiện trạng khu đất, Sở Tài Nguyên và Môi Trường trả lời theo văn bản số 3316/STNMT-QLĐ.

3./ Công tác thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị:

Căn cứ các Nghị quyết Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty, Ban Tổng Giám đốc tuân thủ để hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Tuy nhiên do một số việc nên các công việc chưa hoàn thành sẽ tiếp tiếp tục thực hiện vào năm 2018.

4./ Công tác quản lý và điều hành đơn vị:

Tập trung nâng cao năng lực quản lý điều hành Công ty với mục tiêu hoàn thành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

5./ Công tác cải thiện đời sống và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

Cố gắng duy trì, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động, phấn đấu mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2018 là: 5.474.255 đồng/người/tháng. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách khác cho người lao động.

6./ Công tác đảm bảo an toàn đơn vị - vệ sinh lao động và công tác PCCC:

Phối hợp tốt với cơ quan chức năng tại địa phương trong việc bảo vệ an ninh trật tự, an toàn đơn vị. Thực hiện đầy đủ kế hoạch An toàn – vệ sinh lao động, môi trường và công tác phòng chống cháy nổ.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng năm 2018 của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị. Phương hướng nhiệm vụ năm 2018, Ban điều hành cùng tập thể người lao động trong Công ty sẽ cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu của năm 2018 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC .


VÔ HỒNG PHONG



Số: 47/BC-TGD

TP.HCM, ngày 11 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO TIỀN TRÌNH GIẢI THỂ CÔNG TY LIÊN DOANH VIKOTRADE

Công ty Liên doanh Vikotrade là đơn vị liên doanh giữa Công ty Hữu Nghị và Công ty U-Harbour Co., LTD – Hongkong hoạt động theo giấy phép đầu tư số 20A/GP ngày 20/5/1991 do Ủy ban nhà nước về hợp tác và Đầu tư nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh số 20A/GPD9C-BKH-HCM ngày 25/5/2006 của UBND Thành phố HCM cấp. Ngành nghề sản xuất kinh doanh là sửa chữa tân trang, lắp ráp chế tạo nông ngư cơ. Lắp ráp sản xuất kinh doanh các thiết bị điện phục vụ dân dụng;

Ngày 10/7/2012 HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị đã có Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT thống nhất việc giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade; theo đó ngày 16/9/2012 phía đối tác Công ty U-Harbour – Hongkong có thư xác nhận thống nhất việc giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade;

Thực trạng Công ty LD Vikotrade hiện nay, do thời gian giải thể kéo dài, để duy trì bộ máy phục vụ cho quá trình giải thể, hàng năm Công ty phải chi trả các khoản chi phí như: chi phí quản lý, tiền lương, tiền thuê đất và các chi phí hoạt động khác;

Qua đó, Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị xin báo cáo với ĐHCĐ tình hình thực hiện việc giải thể tại Công ty Liên doanh Vikotrade như sau:

Về tài chính tính đến tháng 03 năm 2018 (đã kiểm toán):

Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện Quý 1/2018
1. Tổng doanh thu	531.467.725	7.836.468
2. Giá vốn	3.936.970.459	0
3. Chi phí hoạt động	1.646.544.974	246.403.000
4. Lãi, lỗ (+,-)	-5.052.047.708	-293.673.137
5. Lỗ lũy kế	-21.704.654.000	-799.921.636
6. Nợ tiền thuế đất (số dư đến 31/03/2018)	2.437.823.910	0
7. Tiền mặt (số dư đến 31/03/2018)	360.329.790	122.025.186



(Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán Đông Nam (SAAC), đã sửa lần 2).

Nguyên nhân lỗ trong năm 2017: Phần lớn Công ty Vikotrade ghi nhận thêm chi phí (giá vốn) thanh lý hàng tồn kho (Phụ tùng máy gặt đập, các phụ tùng máy móc thiết bị khác, là hàng trưng bày khi mới thành lập Công ty LD Vikotrade) và thanh lý một số tài sản khác số tiền là: 3.936.970.459 đồng.

Các nội dung cấp bách cần giải quyết tại Vikotrade:

Kế toán Vikotrade dự kiến và đã thông qua thường trực Ban thanh lý sẽ chấm dứt hoạt động tại Vikotrade trong tháng 05 năm 2018 do không còn nguồn kinh phí để chi trả cho các hoạt động tại Vikotrade. Công ty, người đại diện pháp luật của Công ty không có khả năng thanh toán đầy đủ và dứt điểm khoản nợ; các chế độ và quyền lợi người lao động và các hợp đồng dịch vụ khác;

Theo báo cáo số liệu của kế toán Vikotrade, Ban thanh lý tài sản và giải thể Vikotrade thống nhất như sau: Hiện tại Vikotrade đang trong tình trạng phá sản vì số liệu kế toán tính đến thời điểm tháng 05/2018 đều bị âm; Công ty còn nợ tiền lương, truy thu tiền thuê đất từ 1996 đến 2015, tiền thuê đất năm 2016 và các khoản chi phí khác duy trì hoạt động của tháng 4+5/2018, tạm tính chi phí quyết toán thuế, tổng số tiền nợ là: 3.024.699.062 đồng (*Theo bảng kê của kế toán Vikotrade*);

Theo Biên bản ghi nhớ số 115A/BBHN-CNS ngày 03 tháng 05 năm 2018 giữa Ban thanh lý tài sản và giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade với Bên mua tài sản trên đất đã ký về việc mua lại khu nhà xưởng tại 257 Nơ Trang Long, theo Chứng thư thẩm định số Vc 17/11/520/BĐS cho Vikotrade. Tuy nhiên chiếu theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, đối tác mua lại tài sản đất đã tạm thông báo cho Ban giải thể về việc không thể mua tài sản trên đất.

Các nội dung khác:

Bên dịch vụ kế toán ông Liên Nguyên Khiêm yêu cầu chấm dứt hợp đồng dịch vụ và sẽ bàn giao toàn bộ hồ sơ kế toán cho đại diện pháp luật của Công ty;

Các bộ phận thường trực Ban thanh lý tài sản và giải thể Vikotrde, các đơn vị đang thực hiện công tác dịch vụ giúp Công ty Vikotrade đến 31/5/2018, sau thời gian ngày 31/5/2018 các công việc sẽ được bàn giao cho Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị và đại diện ông võ Hồng Phong nhận bàn giao.

Các công việc còn phải thực hiện năm 2018:

Các vấn đề khó khăn tại Vikotrade, cần có chủ trương sớm của Hội đồng quản trị Công ty Hữu Nghị giải quyết các vấn đề như:

Phải có nguồn tiền để nộp tiền thuê đất đã bị truy thu từ 1996 đến 2015 và tiền thuê đất năm 2016+2017 và 2018;

Thời gian hoàn thành việc giải thể tại Vikotrade còn tùy thuộc vào thời gian giải quyết các vấn đề hiện tại Vikotrade đang gặp khó khăn, sau đó cơ quan thuế mới có thể quyết toán tài chính các năm để có cơ sở phân chia lợi ích cho cả 2 bên.

Theo nội dung đã nêu trên Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị báo cáo và trình ĐHCĐ./.

Trân trọng kính chào!



VÕ HỒNG PHONG



Số: 135/2018/BCKT-PKF.HCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị được lập ngày 10 tháng 05 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Thuế Tư vấn Sài Gòn và báo cáo kiểm toán độc lập số 17233/BCKT-SGA đã được phát hành ngày 29 tháng 09 năm 2017 dưới dạng ý kiến ngoại trừ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

A handwritten signature in black ink, appearing to be "NHTH" or similar initials.

Nguyễn Thị Hoàng Vân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐÃ KIỂM TOÁN) Năm 2017

Căn cứ báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán (Trích phần báo cáo kết quả kinh doanh)

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	huyết minh	Năm nay	Năm trước
1		3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.917.457.766	6.950.264.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.917.457.766	6.950.264.554
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.917.457.766	6.950.264.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	806.966.536	1.096.688.748
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.075.697.254	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	297.387.548	705.910.159
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.990.288.722	11.481.575.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(17.638.949.222)	(4.140.532.578)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	46.200.000	5.062.545.971
12. Chi phí khác	32	VI.6	(2.682.788.766)	814.676.686
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.728.988.766	4.247.869.285
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14.909.960.456)	107.336.707
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	0	100.367.180
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		0	6.969.527

380
 TỶ
 .N
 'ONG N
 HI
 CHÍN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐÃ KIỂM TOÁN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Căn cứ báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán (Trích phần bảng cân đối kế toán)

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		20.260.839.132	30.943.325.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.873.827.950	17.457.672.391
1. Tiền	111		2.373.827.950	2.457.672.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.716.619.135	8.905.857.925
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	1.784.031.685	1.885.146.424
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	284.150.168	38.781.085
3. Các khoản phải thu khác	136	V.5	8.010.870.695	8.062.145.329
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.7	(3.584.031.685)	(1.301.813.185)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	221.598.272	221.598.272
IV. Hàng tồn kho	140		631.653.687	894.999.668
1. Hàng tồn kho	141	V.8	930.482.934	930.482.934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(298.829.247)	(35.483.266)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.738.360	3.684.795.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	0	3.647.954.497
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		(21.696)	(53.805)
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14	38.760.056	36.894.440
B - Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		14.279.711.449	23.464.563.243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	0	0
II. Tài sản cố định	220		9.832.531.013	10.608.648.833
1. TSCĐ hữu hình	221	V.11	9.832.531.013	10.608.648.833
- Nguyên giá	222		22.325.808.235	2.235.808.235
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.493.277.222)	(11.717.159.402)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.12	0	0
- Nguyên giá	228		225.210.831	225.210.831
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.210.831)	(225.210.831)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	3.447.180.436	3.447.180.436

1. Chi phí xây dựng dở dang	242		3.447.180.436	3.447.180.436
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.000.000.000	7.075.697.254
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.808.971.017	9.808.971.017
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.808.971.017)	(3.733.273.763)
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	2.333.036.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	0	2.333.036.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		34.540.550.581	54.407.888.359

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu kỳ	Số đầu kỳ
A - Nợ phải trả (300=310+330)	300		8.696.527.524	13.653.207.893
I. Nợ ngắn hạn	310		8.696.527.524	13.653.207.893
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13		0
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.196.857.539	9.198.242.861
3. Phải trả người lao động	314			0
4. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.529.598.240	5.455.470.240
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	(1.029.928.255)	(1.000.505.208)
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B - Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		25.844.023.057	40.754.680.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	25.844.023.057	40.754.680.466
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.437.100.000	39.437.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.000	30.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(57.500.000)	(57.500.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.374.353.513	1.368.080.939
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400=410+430)	440		34.540.550.581	54.407.888.359

Số: 10/TT- HĐQT.2018

TP.HCM, ngày 11 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi cổ tức năm 2017

Căn cứ Điều lệ Công ty CP CN TM Hữu Nghị tháng 11 năm 2016, tại Điều 50 “về việc phân phối lợi nhuận”;

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và dựa theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty CP CN TM Hữu Nghị;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, chi cổ tức năm 2017 như sau:

STT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2017	-14.909.960.456
2	Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	0
3	Lợi nhuận sau thuế	-14.909.960.456
4	Trích lập các Quỹ	
	a. Quỹ đầu tư phát triển	0
	b. Quỹ khen thưởng phúc lợi	0
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	0
6	Lợi nhuận dùng chia cổ tức năm 2017	0
7	Cổ tức bằng tiền	0
8	Tỷ lệ % cổ tức năm 2017	0

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tấn Dương

Số: *M.*/TTr-HĐQT.2018

TP.HCM ngày *M.* tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018

V/v: Chi trả thù lao năm 2017 và dự kiến mức thù lao năm 2018 cho HĐQT và BKS

- Căn cứ Điều 39, Điều 46 Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị,
- Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 30/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017,

Báo cáo việc chi trả thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2017 như sau:

- Quỹ thù lao HĐQT và BKS được ĐHCĐ năm 2017 thông qua là : 169.560.000 đồng.
- Thực chi thù lao HĐQT và BKS là: 144.720.000 đồng.
- Phần thù lao còn lại do còn khuyết 01 thành viên HĐQT là: 24.840.000 đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua thù lao năm 2017 và dự kiến mức thù lao năm 2018 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS), cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Thù lao năm 2017 cho HĐQT và BKS	144.720.000
1	Hội đồng quản trị	112.320.000
	- Chủ tịch HĐQT: 3.150.000 x 12	37.800.000
	- Thành viên HĐQT (3 người): 2.070.000 x 12 x 3	74.520.000
2	Ban kiểm soát	32.400.000
	- Trưởng Ban kiểm soát: (Hưởng lương chuyên trách, mức lương 8.000.000 đồng/tháng và hỗ trợ tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng. Lợi ích khác: Tiền thưởng, tiền lễ, tết, tiền cơm trưa, phụ cấp xăng, gửi xe và các khoản phúc lợi khác theo mức chung của Văn phòng Công ty (nếu có)).	
	- TV. Ban kiểm soát (2 người): 1.350.000 x 12 x 2	32.400.000
II	Dự kiến mức thù lao năm 2018 cho HĐQT và BKS	169.560.000
1	Hội đồng quản trị	137.160.000
	- Chủ tịch HĐQT: 3.150.000 x 12	37.800.000
	- Thành viên HĐQT (4 người): 2.070.000 x 12 x 4	99.360.000
2	Ban kiểm soát	32.400.000
	- Trưởng Ban kiểm soát: hưởng lương chuyên trách, mức lương 8.000.000 đồng/tháng và hỗ trợ tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng. Lợi ích khác: Tiền thưởng, tiền lễ, tết, tiền cơm trưa, phụ cấp xăng, gửi xe và các khoản phúc lợi khác theo mức chung của Văn phòng Công ty (nếu có).	
	- TV. Ban kiểm soát (2 người): 1.350.000 x 12 x 2	32.400.000

Trân trọng kính trình./.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 44 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị năm 2017;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị do Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

*** Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động cụ thể như sau:**

- Ngày 28/03/2017: Ban kiểm soát họp thống nhất triển khai chương trình công tác năm 2017.

- Ngày 14/04/2017: thực hiện kiểm tra định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh tại 279 Nơ Trang Long, 357 Lê Hồng Phong; hoạt động kinh doanh dịch vụ giữ xe và căn tin tại Trung tâm tin học.

- Ngày 11/07/2017: thực hiện kiểm tra định kỳ, đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, thẩm định Báo cáo kinh doanh và Báo cáo tài chính quý 01/2017.

- Ngày 28/09/2017: thực hiện kiểm tra định kỳ, đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, thẩm định Báo cáo kinh doanh và Báo cáo tài chính quý 02/2017. Ngoài ra kiểm tra theo chuyên đề về tình hình đầu tư góp vốn liên doanh của Công ty Hữu Nghị vào Công ty Liên doanh Vikotrade.

- Ngày 28/11/2017: thực hiện kiểm tra định kỳ, đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, thẩm định Báo cáo kinh doanh và Báo cáo tài chính quý 03/2017. Ngoài ra kiểm tra theo chuyên đề về việc thực hiện công tác đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom và thực hiện Quy trình công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán.

- Ngày 11/04/2018: thực hiện kiểm tra, kiểm soát đánh giá toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, thẩm định Báo cáo kinh doanh và Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017, tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2017 và triển khai chương trình công tác của Ban kiểm soát năm 2018.

Sau các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát thực hiện báo cáo đầy đủ các nội dung kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị gửi đến Ban điều hành và Hội đồng quản trị, bao gồm 06 báo cáo Ban kiểm soát thực hiện trong năm.

Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.



*** Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2017:**

- Lương, thù lao và lợi ích khác của BKS, chi tiết từng thành viên như sau:

ĐVT: đồng

Thành viên BKS	Chức danh	Tổng lương và lợi ích khác năm 2017	Tổng mức thù lao năm 2017
1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh <i>-Hưởng lương chuyên trách, mức lương 8.000.000 đồng/tháng - Lợi ích khác: Tiền thưởng, tiền lễ, tết, tiền cơm trưa, phụ cấp xăng, gửi xe, hỗ trợ tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng và các khoản phúc lợi khác theo mức chung của Văn phòng Công ty (nếu có).</i>	Trưởng ban	120.038.637	
2. Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên		16.200.000
3. Ông Huỳnh Văn Quang Trung	Thành viên		16.200.000

- Chi phí hoạt động của BKS: Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý khi thực hiện nhiệm vụ (Theo Điểm b Điều 46 Điều lệ Công ty). Tuy nhiên nhận thấy tình hình tài chính của Công ty có nhiều khó khăn nên các thành viên BKS không tính chi phí hoạt động với Công ty và tự trang trải các khoản chi phí có liên quan tới phần công việc của mình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

1/ Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017:

Kết quả thực hiện theo bảng phân tích các chỉ tiêu sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch
A	Tổng doanh thu và thu nhập khác	14.434.162.270	4.770.624.302	33,1%
01	Doanh thu hợp tác kinh doanh và dịch vụ	7.141.493.580	3.917.457.766	54,9%
	Trong đó			
	- Doanh thu hợp tác KD và DV điện, nước	6.481.493.580	3.601.507.312	55,6%
	- Doanh thu dịch vụ gửi xe, căn tin TTI	660.000.000	315.950.454	47,9%
02	Giá vốn hàng bán	0	0	
03	Lợi nhuận gộp	7.141.493.580	3.917.457.766	54,9%
04	Doanh thu hoạt động tài chính	510.000.000	806.966.536	158,2%
05	Chi phí tài chính		6.075.697.254	
06	Chi phí bán hàng		297.387.548	
07	Chi phí quản lý doanh nghiệp		15.990.288.722	
08	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động KD		(17.638.949.222)	
09	Thu nhập khác	6.782.668.690	46.200.000	0,7%
10	Chi phí khác		(2.682.788.766)	
11	Lợi nhuận khác		2.728.988.766	
B	Tổng lợi nhuận trước thuế	225.179.178	(14.909.960.456)	(6.621,4%)
01	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			
02	Lợi nhuận sau thuế		(14.909.960.456)	

(Ngày 26/12/2017, Cổ đông lớn có Công văn số: 141/CNS-HĐTV về điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh năm 2017 của Công ty cổ phần CN-TM Hữu Nghị gồm hai chỉ tiêu như sau: Doanh thu kế hoạch điều chỉnh năm 2017 là: 4.500.370.061 đồng và Lợi nhuận kế hoạch điều chỉnh năm 2017 là: -7.887.322.879 đồng. Tuy nhiên thời điểm Cổ đông lớn đồng ý điều chỉnh kế hoạch vào thời điểm cuối tháng 12/2017 nên HĐQT không đủ thời gian xin ý kiến ĐHCĐ và nếu lấy được ý kiến của ĐHCĐ thì đã qua năm 2018).

Nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 lỗi là do:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện chỉ đạt 33,1% so với kế hoạch đề ra, trong đó:

+ Doanh thu khai thác tại tòa nhà 357 Lê Hồng Phong 7 tháng cuối năm 2017 không có, do hợp đồng hết hạn, khách hàng Trung tâm tin học không tiếp tục hợp tác nữa. Doanh thu thực hiện 5 tháng là: 1.319.682.955 đồng.

+ Thu nhập khác theo kế hoạch là 6.782.668.690 đồng tại tòa nhà 35 Lê Lợi không thực hiện được do Công ty vẫn chưa nhận được phần hỗ trợ di dời từ Tổng công ty thương mại Sài Gòn (Satra).

- Tổng chi phí hoạt động cao so với doanh thu thực hiện, nhóm chi phí ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh là:

+ Chi phí tài chính: đây là khoản chi phí trích lập dự phòng tài chính của hoạt động đầu tư liên doanh Công ty Hữu Nghị vào Công ty Liên doanh Vikotrade, số tiền trích lập là: 6.075.697.254 đồng, cơ sở trích lập căn cứ Thông tư 228/2009/TT-BTC-ngày 07/12/2009; Thông tư 89/2013/TT-BTC-ngày 28/06/2013 và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty LD Vikotrade đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam.

+ Chi phí phát sinh 2016 phân bổ cho năm 2017: gồm chi phí trả trước cho người lao động nghỉ việc Quyết định 86 là 2.161.394.480 đồng; chi phí trả trước tiền truy thu thuế đất 10 năm của mặt bằng 35 Lê Lợi, Quận 01; 11 Đoàn Văn Bơ, Quận 04 là 965.723.740 đồng.

+ Chi phí trích lập dự phòng: gồm chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi Công ty TNHH SX xe đạp điện Anpha là 482.218.500 đồng và Công ty TNHH Tư Vấn Kiến trúc Xây dựng Com là 1.800.000.000 đồng; chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do kém phẩm chất, bị lỗi thời là 263.345.981 đồng.

+ Chi phí lương, bảo hiểm, các khoản phụ cấp cho người lao động là 2.890.905.109 đồng, chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng chi phí hoạt động.

2/ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017:

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành. Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định. Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Ý kiến của Kiểm toán viên “ Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Một số nhận xét tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

Bảng tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính như sau:

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (ngày 31/12/2016)	Năm 2017 (ngày 31/12/2017)	Tỷ lệ (%) tăng (giảm) năm 2017 thực hiện so với năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	54.407.888.359	34.540.550.581	(36,5%)
2	Vốn chủ sở hữu	40.754.680.466	25.844.023.057	(36,6%)
3	Doanh thu thuần	6.950.264.554	3.917.457.766	(43,6%)
4	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ HDKD chính	(4.140.532.578)	(17.638.949.222)	326%
5	Lợi nhuận khác	4.247.869.285	2.728.988.766	(35,8%)
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	107.336.707	(14.909.960.456)	(13.990,8%)
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.969.527	(14.909.960.456)	(214.030,7%)
8	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp chủ sỡ	0,017%		
9	Giá trị cổ phần theo sổ sách (Vốn chủ sở hữu/3.943.710 cổ phần)	10.334	6.553	

- Tổng giá trị tài sản giảm đáng kể trong năm là 19,867 tỉ đồng, cụ thể các tài sản sau:

+ Tài sản ngắn hạn trong năm giảm 10,682 tỉ đồng, trong đó gồm có khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 4,584 tỉ đồng do Công ty giải quyết các khoản nợ thuế đã đến hạn trả; Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 2,189 tỉ đồng do đánh giá lại để lập dự phòng phải thu khó đòi; Hàng tồn kho giảm 263 triệu đồng do đánh giá lại để lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Tài sản ngắn hạn khác giảm 3,646 tỉ đồng do chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ hết vào chi phí trong năm.

+ Tài sản dài hạn trong năm giảm 9,185 tỉ đồng, trong đó gồm có khoản mục đầu tư tài chính dài hạn giảm 6,076 tỉ đồng do đánh giá lại giá trị, lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính Công ty Liên doanh Vikotrade; Tài sản dài hạn khác giảm 2,333 tỉ đồng do chi phí trả trước dài hạn (nghỉ việc QĐ86, sửa chữa văn phòng 357LHP) phân bổ hết vào chi phí trong năm; Tài sản cố định giảm 776 triệu đồng do trích lập khấu hao hàng năm.

- Vốn chủ sở hữu trong năm giảm 14,910 tỉ đồng do lợi nhuận sau thuế lỗ.

- Nộp ngân sách Nhà nước:

* Về việc giảm tiền thuê đất các mặt bằng trong năm:

- Công ty được giảm tiền nộp thuế đất năm 2016, 2017 theo thông báo giá thuê đất mới (TB số 18327/TB-CT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Cục thuế TP.HCM và TB số 18929/TB-CCT-LPTB ngày 26/12/2017 của Chi cục thuế Quận Bình Thạnh) tại mặt bằng 279 Nơ Trang Long, phần diện tích 5.424 m², số tiền giảm là 5.845.413.104 đồng.

- Công ty hoàn thành việc cắt giảm diện tích dôi ra 451,2 m² tại mặt bằng 11 Đoàn Văn Bơ đã được hoàn lại tiền thuê đất năm 2015, 2016 là: 271.198.105 đồng.

- Công ty đã quyết toán xong tiền thuê đất tại mặt bằng 35 Lê Lợi và được nhận lại 1 tháng tiền thuê đất năm 2016 là: 147.916.800 đồng.

* Tổng tiền thuế đất được giảm là: 6.264.528.009 đồng, cho nên số thuế phải nộp trong năm 2017 cũng giảm tương ứng. Số thuế thực nộp trong năm 2017, chủ yếu là nộp tiền nợ thuế năm 2016 chuyển qua, số tiền nộp là 4.472.806.513 đồng. Số thuế còn phải nộp đến ngày 31/12/2017 là 4.196.857.539 đồng.

Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát đồng ý và nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

B. Kết quả thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 31/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 30/6/2017:

Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết và hoàn thành một số nội dung trọng tâm:

- Công ty đã tích cực phối hợp cùng Cổ đông lớn thực hiện nhiệm vụ thoái vốn, cụ thể Công ty Hữu Nghị đã cung cấp các hồ sơ pháp lý để Công ty thẩm định giá và tư vấn ra chứng thư thẩm định giá, phương án thoái vốn vào ngày 07/7/2017. Công ty hoàn tất mọi thủ tục theo quy định và kết quả là Sở GDCK Hà Nội chấp thuận cho Công ty Hữu Nghị được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom theo Quyết định số 881/QĐ-SGDHN ngày 20/10/2017.

- Xây dựng phương án sử dụng tài sản có hiệu quả của Công ty.

- Giải quyết dứt điểm công nợ quá hạn của khách hàng (01 khách hàng).

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng an toàn tại tòa nhà 357 Lê Hồng Phong để đảm bảo chất lượng, an ninh và an toàn (theo hồ sơ số 01/KH-HN ngày 15/01/2018 do Ban Tổng giám đốc cung cấp).

- Hoàn tất việc thanh lý toàn bộ tài sản còn lại tại Công ty Liên doanh Vikotrade.

- Thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ năm 2016.

- Thực hiện chi trả thù lao năm 2017 cho HĐQT và BKS theo mức quy định.

Ngoài ra Công ty báo cáo và trình ĐHĐCĐ xin tạm dừng thực hiện 03 nội dung mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 đã thông qua:

- Không tiếp tục rà soát lại và hoàn chỉnh theo thực tế hiện nay đối với Dự án di dời đầu tư chiều sâu mở rộng sản xuất sản phẩm xe đạp và sản phẩm cơ khí nội thất do Công ty không có nguồn nhân lực và vốn để đầu tư dự án.

- Không tiếp tục thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty Phước Nam – Ninh Thuận trong dự án tại 13C Kỳ Đồng, Quận 03 do Công ty Hữu Nghị không có cơ sở để thanh lý hợp đồng.

- Không tiếp tục thực hiện thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư hàng hóa không còn sử dụng được trong sản xuất hiện còn đang lưu tại kho 279 Nơ Trang Long do Công ty đã đưa tài sản này vào giá trị thẩm định giá để thoái vốn của Cổ đông lớn tại Công ty Hữu Nghị nên chưa thực hiện được việc thanh lý.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 còn một số nội dung chưa hoàn thành như sau:

- Chưa Thanh lý hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông trong dự án Hữu Nghị - Hoàng Anh Mê Kông tại 279 Nơ Trang Long.

- Chưa hoàn thành công tác giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade.

- Chưa hoàn thành việc tái cơ cấu lại Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.

C. Các hoạt động khác năm 2017:

1/ Tình hình khai thác tài sản của Công ty Hữu Nghị:

a. Tại 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10:

Từ tháng 05/2017, ngừng hoạt động tại tòa nhà 357 Lê Hồng Phong nên gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đã xây dựng phương án để sử dụng hiệu quả tòa nhà.

b. Tại 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh:

+ Đối với diện tích 5.424,4 m²:

Công ty đang sử dụng làm kho diện tích 1.000 m², phần diện tích còn lại đang quản lý theo quy định

Hoạt động kinh doanh trong năm có hiệu quả, tiền thuê đất cũng được giảm đáng kể do Công ty hoàn thành các thủ tục với cơ quan thuế về việc giá thuê đất mới và giá thuê đất này được ổn định trong 05 năm (từ năm 2016 đến năm 2020).

+ Đối với diện tích 3.202m²:

Hiện tại Công ty đang thực hiện thủ tục thuê đất ngắn hạn theo công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân TP.HCM (Công văn số 7304/UBND-KT ngày 27/11/2017). Đồng thời, Công ty đang xem xét toàn bộ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tại diện tích này để hoàn tất các thủ tục và khẩn trương tìm kiếm đối tác hợp tác theo quy định.

2/ Về giải quyết Dự án-Chung cư 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh:

Đến nay Công ty chưa thanh lý được hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông, mặt dù tháng 07/2013 Công ty Hữu Nghị đã nhận bàn giao mặt bằng 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh diện tích 3.202m², vì vậy Công ty chưa xử lý được khoản chi phí đầu tư dở dang vào Dự án số tiền là 3.447.180.436 đồng, các khoản tiền thuê đất là 5.953.770.248 đồng, công nợ phải thu Cty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng Com có liên quan đến dự án là 1.800.000.000 đồng.

3/ Về giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade:

Đến nay công tác giải thể vẫn chưa kết thúc, mặc dù trong năm qua Ban thanh lý và giải thể Vikotrade đã thực hiện xong việc thanh lý toàn bộ tài sản hàng hóa tồn kho và hiện tại tiếp tục thực hiện giải quyết tài sản trên đất tại mặt bằng 257 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh.

Căn cứ Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2018 của Công ty LD Vikotrade do Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam kiểm toán ngày 11/04/2018, theo các số liệu của Báo cáo thì đến ngày 31/03/2018, Công ty Vikotrade có số lỗ lũy kế là 22,504 tỉ đồng và âm vốn chủ sở hữu dẫn đến vốn đầu tư của Công ty Hữu Nghị vào Công ty LD Vikotrade không bảo toàn.

4/ Về đầu tư vào Công ty cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương:

Công ty Hữu Nghị đã đầu tư vào Công ty Đông Dương số tiền là 01 tỷ đồng từ năm 2009, theo số liệu từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty Đông Dương cung cấp thì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế là 1,830 tỉ đồng, tuy nhiên Công ty Hữu Nghị chưa nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư này kể từ ngày góp vốn.

5/ Về công tác triển khai thực hiện Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; tuân thủ pháp luật chứng khoán về công bố thông tin:

- Công ty đã thực hiện theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về sửa đổi Điều lệ Công ty và xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo hướng dẫn tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính: lập trang thông tin điện tử và ban hành Quy trình công bố thông tin kèm Quyết định số 35/QĐ-HĐQT.2017 ngày 04/9/2017.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hoạt động tuân thủ theo đúng Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức 11 cuộc họp thường kỳ, 1 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết. Các quyết định của HĐQT thông qua dựa trên sự thống nhất 100% ý kiến tán thành tại các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến

bằng văn bản theo Điều lệ quy định. Nội dung các Nghị quyết do HĐQT thông qua từ việc triển khai các công việc cụ thể theo nội dung Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 và đảm bảo tính kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Hội đồng quản trị luôn theo dõi và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đề ra các chủ trương, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc giải quyết các công việc kinh doanh. Đơn đốc chỉ đạo Ban Tổng giám đốc giải quyết các dự án còn tồn đọng; kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của đơn vị; quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả đối với tài sản của Công ty. Hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người lao động.

- Ban Tổng giám đốc đã tập trung tổ chức, quản lý điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Do nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD không đạt so với kế hoạch đề ra và một số công việc chưa hoàn thành trong năm 2017, tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đã cố gắng giải quyết các vấn đề khó khăn của Công ty như tích cực làm việc với cơ quan thuế và đã xin miễn giảm tiền thuê đất cho Công ty; liên hệ với các cơ quan ban ngành để thực hiện thủ tục thuê đất tại mặt bằng 279 Nơ Trang Long cho diện tích 3.202m²; đã xây dựng phương án khai thác sử dụng có hiệu quả đối với tài sản của Công ty; đàm phán tăng giá các hợp đồng hợp tác; quan tâm và thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG:

1. Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD:

- Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp làm việc theo nguyên tắc luôn vì lợi ích chung của Công ty, lợi ích của cổ đông. Phối hợp làm việc với tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, độc lập và thường xuyên chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

- Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Những ý kiến đóng góp, nhận định, đề xuất của Ban kiểm soát trong các lần kiểm tra định kỳ về các mặt hoạt động của Công ty được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và chỉ đạo khắc phục, sửa chữa.

- Để tăng cường công tác quản trị nội bộ, Công ty đang thực hiện xây dựng Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

2. Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, BTGD và các cổ đông:

Ban kiểm soát đã cùng với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc phối hợp tổ chức thực hiện quyền cho các cổ đông theo Điều lệ Công ty quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Đối với cổ đông, trong năm Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông phản ánh về tình hình hoạt động của Công ty.

Sau đây là một số nội dung đã thực hiện gửi thông báo thông tin đến các cổ đông:

- Về việc cập nhật thông tin cổ đông theo thông báo số 03/CV-HN-ngày 09/01/2017;
- Về việc đổi, nhận sổ chứng nhận sở hữu cổ phần theo thông báo số 07,08/CV-HN-ngày 17/01/2017;
- Về việc chốt danh sách cổ đông để làm thủ tục đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo số 27/TB-HĐQT-ngày 05/07/2017;



- Về việc chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo thông báo số 38/TB-HĐQT-ngày 27/10/2017;

- Một số thông tin khác công bố thông tin trên trang web Công ty-Mục Quan hệ cổ đông.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản trị và quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2018.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, các quy trình, quy chế của Công ty có phù hợp Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2018, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Ban điều hành Công ty cần đẩy mạnh việc khai thác tài sản của Công ty Hữu Nghị, đảm bảo nguồn thu và kiểm soát chi phí hoạt động để kết quả kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.

- Giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng theo *ý kiến ngoại trừ* của đơn vị kiểm toán như: các công nợ đã lâu năm của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông, Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng Com, Công ty TNHH BĐS Nam Hải, Công ty TNHH SX Xe đạp điện Anpha, Công ty TNHH Sacred Earth VN, CN Công ty CP DVVT In Bưu điện; xử lý tài sản thiếu.

- Hoàn tất công tác giải thể Công ty Liên doanh Vikotrade, vì nếu kéo dài thời gian giải thể Công ty gánh chịu khoản lỗ ngày càng tăng, không đảm bảo bảo toàn vốn đầu tư.

- Để tăng cường công tác quản trị, điều hành Công ty cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2017, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội.

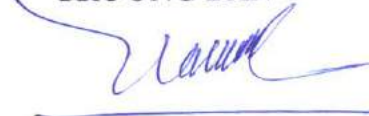
Kính chúc Công ty hoàn thành nhiệm vụ, chúc Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu:BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Kim Thanh

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính thưa Quý Cổ đông!

Ngày 22/09/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/11/2017. Căn cứ theo Điều 3 của Thông tư 95/2017/TT-BTC quy định “Công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư này để xây dựng Điều lệ Công ty, đảm bảo phù hợp với Quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành.”

Chiếu theo quy định trên thì bản Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị được các cổ đông thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2016 sẽ không còn phù hợp.

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị số 13/BB-HĐQT.2018 ngày 14/06/2018 về việc trình nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Để có cơ sở vững chắc cho hoạt động của Công ty cũng như đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đã tiến hành chỉnh sửa bản Điều lệ Công ty theo bản Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi Điều lệ và thông qua Bản điều lệ sửa đổi của Công ty được đính kèm theo Tờ trình.

Trân trọng kính trình.

Đính kèm:

Toàn văn Bản dự thảo Điều lệ sửa đổi.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Lê Tấn Dương

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP –
THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty ..	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh	7
Điều 5. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	15
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	18

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Cán bộ quản lý.....	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
Điều 36. Thư ký Công ty.....	35
IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 37. Ứng cử đề cử kiểm soát viên	36
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 39. Ban kiểm soát	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	39
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng.....	39
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	---------------	----------------	---------------	--------------



XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	43
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 47. Năm tài chính.....	43
Điều 48. Chế độ kế toán	43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	43
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	43
Điều 50. Báo cáo thường niên	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 51. Kiểm toán	44
XVII. CON DẤU.....	44
Điều 52. Con dấu.....	44
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	45
Điều 54. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 55. Thanh lý.....	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	46

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng năm

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị;
 - b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - e) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - f) “Người quản lý doanh nghiệp được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
 - g) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - i) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - j) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - k) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

1,00
CỔ
NGHI
TỬ
PH

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

b) Tên Tiếng Anh: **FRIENDSHIP JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên viết tắt: **FRIENDCO**

d) Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là

a) Địa chỉ trụ sở chính: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, TP.HCM;

b) Điện thoại: (028) 38308899, 38301805, 38301806

c) Fax: (028) 38301802

d) Website: www.ftic.vn

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu của Công ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập, đời sống người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty bao gồm:

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng xe đạp, xe gắn máy.
- Lắp ráp xe đạp, xe gắn máy và lắp đặt máy móc thiết bị
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.
- Kinh doanh nhà ở.
- Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện và linh kiện, thiết bị âm thanh, vật dụng văn phòng, đồ dùng gia đình, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, giày dép, đồng hồ, túi xách, hàng da và giả da.
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa.
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Mua bán vật tư ngành viễn thông.
- Nhà hàng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Các ngành, nghề, dịch vụ khác mà luật pháp không cấm.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội

1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ Điều lệ của mình, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh phát triển của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong
			Lê Tấn Dương

74
NG
PH
EP
JN
5H

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

- Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **39.437.100.000 đồng** (bằng chữ: Ba mươi chín tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **3.943.710** (bằng chữ: Ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm mười) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (bằng chữ: Mười nghìn đồng/cổ phần).
 - Vốn thuộc sở hữu nhà nước: **34.413.200.000 đồng** (Ba mươi bốn tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng), chiếm tỷ lệ **87,26%** vốn điều lệ (tương ứng 3.441.320 cổ phần).
 - Vốn thuộc sở hữu là các pháp nhân, cá nhân: **5.023.900.000 đồng** (Năm tỷ lẻ hai mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng), chiếm tỷ lệ **12,74%** vốn điều lệ (tương ứng 502.390 cổ phần).
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Phần vốn của Nhà nước sẽ được điều chỉnh tăng hay giảm theo từng thời kỳ phù hợp với chủ trương về quy hoạch của Nhà nước.
- Tất cả cổ phần phát hành của Công ty đến thời điểm thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
- Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định theo pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

33
T
I
A
P
H
U
O
N
G
C

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
- a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 1 Điều 37 Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

13/01/2018
NGI
II
1/11

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
4. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------

- c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của luật pháp hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó từ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở Giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức (có đóng dấu của tổ chức) và chữ ký của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức (có đóng dấu của tổ chức) được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, cổ đông ủy quyền là tổ chức bị giải thể/phá sản;
 - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà

Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất **33%** cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. ĐHCĐ có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sẽ được thông báo sau khi biểu quyết tất cả các vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập Đại hội sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia Đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập Đại hội thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

100
CỔ
CỔ
NGH
IỮ
/PH

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
 - a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b) Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; kể cả các vấn đề sau đây:
 - Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - Định hướng phát triển công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được coi là thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
 - e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



3. Trừ trường hợp quy khoản 2 và khoản 4 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a) Gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử: phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ thể hình thức gửi phiếu ý kiến bằng fax/thư điện tử và sẽ thông báo cho cổ đông biết để thực hiện.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong
			Lê Tấn Dương



Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

143 H N H

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông và hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

1. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
 Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Hiệu lực các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



- b) Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
- c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 75% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử phù hợp với quy định của Pháp luật. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------

T
A
H
U
G
N
H
Y

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên HĐQT kết thúc nhiệm kỳ nhưng chưa có người bổ sung hoặc bầu thay thế thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp thành viên đó không muốn tiếp tục tham gia HĐQT.
2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;
 - e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong
			Lê Tấn Dương



- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; Người đại diện của Công ty; đối với các chức danh khác, Tổng Giám đốc trình HĐQT, xem xét phê chuẩn để Tổng Giám đốc ký quyết định. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm.
- d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- e) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- f) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- g) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- h) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- i) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
- j) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- l) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- m) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- n) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- o) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- q) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
- r) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b) Thành lập các công ty con của Công ty;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

- c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng;
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hàng năm;
 - g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------



- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
- Lập Chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; thống nhất phân công phụ trách công việc của Thành viên Hội đồng quản trị;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày tính từ ngày HĐQT chấp thuận đơn xin từ chức hoặc ngày có quyết định bãi nhiệm của ĐHĐCĐ.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bux điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
15. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị, được thảo luận nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc; một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có sự sẵn sàng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d) Tham mưu trình Hội đồng quản trị kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, quỹ lương, thưởng hàng năm, 05 năm;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



- e) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - f) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động quản lý tốt theo ý kiến của Hội đồng quản trị và kiến nghị để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - g) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - h) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương
--	----------------------	-----------------------	----------------------	---------------------

07
ĐN
S F
HỘI
TU
HỒ

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử đề cử kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền đề cử hoặc ứng cử người vào BKS của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
4. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

4. G H N H

- d) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017;
- e) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- f) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- g) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- h) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- i) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.
- j) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- k) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- l) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- m) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- n) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



o) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
- Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Chi phí hoạt động hằng năm của BKS sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, căn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

38 / T Á H K G 39

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với những hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong
			Lê Tấn Dương



các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

18/1/2018

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc và/hoặc Cán bộ quản lý phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.
2. Tổng giám đốc và/hoặc Cán bộ quản lý phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong
			Lê Tấn Dương



5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp giấy đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (*hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận*) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

- Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - Nợ thuế;

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương

- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,
 Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch HĐQT. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập đề hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm được tổ chức ngày tháng năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



- a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
 - b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

	Đỗ Trọng Toàn	Vũ Cương Quyết	Võ Hồng Phong	Lê Tấn Dương



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính thưa Quý Cổ đông!

Ngày 22/09/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/11/2017. Căn cứ theo Điều 4 của Thông tư 95/2017/TT-BTC quy định “*Công ty đại chúng tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Phụ lục số 02 Thông tư này để xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ công ty*”

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị số 13/BB-HĐQT.2018 ngày 14/06/2018 về việc trình nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã tiến hành soạn thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo bản Quy chế mẫu tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được đính kèm theo Tờ trình.

Trân trọng kính trình.

Đính kèm:

Toàn văn Bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Lê Tấn Dương

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ



Thành phố Hồ Chí Minh, .../2018

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ.....	2
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	2
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	2
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	3
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	3
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.....	4
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	4
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	5
Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	5
Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ	6
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	6
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT.....	8
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	8
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	8
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT	8
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	9
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	9
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	9
CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT	10
Điều 19. Thông báo họp HĐQT.....	10
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	10
Điều 21. Cách thức biểu quyết.....	10
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	11
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT	11
Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT.....	11
CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN .	11
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	11

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 26. Cách thức cử đông, nhóm cử đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	11
Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên.....	12
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	12
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	12
CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT	13
Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT	13
Điều 31. Cơ cấu của các tiểu ban.....	13
Điều 32. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban	13
Điều 33. Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.	13
Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	13
CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	13
Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	13
Điều 36. Tổng giám đốc.....	13
Điều 37. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	15
Điều 38. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	15
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	15
Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc.....	15
Điều 42. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS.....	15
Điều 43. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	15
Điều 44. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	16
Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.....	16
Điều 46. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	16
Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	16
Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	17
Điều 49. Việc tiếp cận thông tin.....	17
Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc.....	18
Điều 51. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.....	19

107
ÔN
:Ổ F
NGHỆ
Ữ
PHC

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC..... 19

Điều 52. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý điều hành khác..... 19

Điều 53. Khen thưởng 19

Điều 54. Xử lý vi phạm và kỷ luật 20

CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY..... 20

Điều 55. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty 20

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty 20

Điều 57. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty 21

Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty 21

Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty 21

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY..... 21

Điều 60. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty 21

CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC 21

Điều 61. Ngày hiệu lực 21

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2018 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị được xây dựng theo quy định của:
 - a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
 - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
 - d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị;
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị;
 - b. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần” số 0300743380, lần đầu ngày 06/01/2005, thay đổi lần 10 ngày 09/02/2017, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;
 - c. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
 - d. “HDQT”: Hội đồng quản trị;
 - e. “BKS”: Ban kiểm soát.
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

- a. **“Quản trị công ty”** là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
 - b. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;
 - c. **“Người quản lý doanh nghiệp”** được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
 - d. **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - e. **“Thành viên HĐQT không điều hành”** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. **“Thành viên độc lập HĐQT”** (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
 - g. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;
 - h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
 4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty sẽ thực hiện thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp để thực hiện việc kiểm phiếu đối với các vấn đề cần thông qua tại Đại hội.
2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được coi là thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
 - e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).
5. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm (phải thông báo và phải được sự nhất trí của Đại hội, HĐQT) hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ thể hình thức gửi phiếu ý kiến bằng fax/thư điện tử và sẽ thông báo cho cổ đông biết để thực hiện.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
4. Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 75% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử phù hợp với quy định của Pháp luật. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Pháp luật;
- e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ chuyên môn;
3. Quá trình công tác;

SỞ
CỔ
CỐ
NG
HỮ
HP



CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của các thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) thành viên HĐQT dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 41 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều 38 Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền đề cử hoặc ứng cử người vào Ban kiểm soát của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

37
NI
P
HIỆP
U
40

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 31. Cơ cấu của các tiểu ban

Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.

Điều 32. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

Điều 33. Việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.

HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 36. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Tham mưu trình HĐQT kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, quỹ lương, thưởng hàng năm, 05 năm;
 - e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - f. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - g. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - h. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 37. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 38. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 39. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều 33 và Điều 35 Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 40. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.
2. HĐQT thông tin đến Trưởng BKS về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Tổng Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến Trưởng BKS và Tổng Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.

Điều 42. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS

Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Điều 24 Quy chế này;

Điều 43. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Việc đề nghị triệu tập họp HĐQT của Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.
2. Việc Tổng Giám đốc và BKS xin ý kiến của HĐQT được thực hiện theo quy định tại điều 47 và Điều 51 Quy chế này.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 44. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo ĐHĐCĐ, HĐQT cụ thể:

- Báo cáo với ĐHĐCĐ hàng năm và khi được yêu cầu.
- Báo cáo HĐQT hàng tháng, cuối quý, cuối sáu tháng và cuối năm hoặc khi được yêu cầu.

Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Định kỳ vào tháng cuối của quý, Tổng Giám đốc có báo cáo gửi HĐQT, Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện các Nghị quyết.

Điều 46. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tiếp nhận tất cả các thông tin từ các bên liên quan, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền. Báo cáo phải nêu rõ quan điểm, đề xuất, phương án xử lý cụ thể từng vấn đề để HĐQT quyết định.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập cách thức lưu chuyển thông tin đến HĐQT, BKS và các bên liên quan và đảm bảo rằng trong mọi trường hợp các thông tin theo quy định được chuyển đến đúng địa chỉ, kịp thời, minh bạch và thuận lợi cho quá trình quản lý.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Điều 24 Quy chế này;
 - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT sẽ phản hồi ý kiến trong vòng 7 ngày làm việc.
 - d. Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến của BKS phải được gửi tới BKS và BKS có trách nhiệm phản hồi chậm nhất trong thời hạn 10 ngày.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

- b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
- c. Cuộc kiểm tra định kỳ vào tháng cuối quý hoặc đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả. Đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT thông báo và yêu cầu cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, cung cấp nguồn lực trong thời hạn hợp lý phù hợp quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.
2. HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT và Tổng Giám đốc không được sử dụng các thông tin chưa được HĐQT cho phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn hợp lý theo quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc tại Điều 35 của Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện Nghị quyết, các chỉ tiêu SXKD và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 49. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS phải nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
 - d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
 - e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
 - f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 50. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
- b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 51. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ vào tháng cuối quý và khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.
6. Vào tháng cuối quý, Tổng giám đốc báo cáo HĐQT về việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

**CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ
LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC
CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

Điều 52. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT và đánh giá từng thành viên Ban Giám đốc.
2. BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên BKS.
3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý các phòng, bộ phận trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy định về thi đua khen thưởng, quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng, từng bộ phận trong công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 53. Khen thưởng

1. Căn cứ kết quả hoạt động của Công ty hàng năm, HĐQT, BKS, Ban Giám đốc thực hiện đánh giá hoạt động của đơn vị mình, tham chiếu theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà đưa ra hình thức khen thưởng, phương thức khen thưởng hợp lý.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền (chỉ thực hiện việc khen thưởng bằng tiền khi năm hoạt động có lợi nhuận).

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

- b. Bảng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của công ty (khi có quỹ khen thưởng).
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 54. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, thành viên BKS không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, thành viên BKS khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 55. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – CÔNG NGHIỆP HỮU NGHỊ**

Điều 57. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT của công ty niêm yết chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 60. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 61 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày ... tháng năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



TCT CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN –
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CP CN-TM HỮU NGHỊ
Số: 16 /TTr-HĐQT.2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018

Về ủy quyền để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018

Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 13/BB-HĐQT.2018 ngày 14 tháng 6 năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để Hội đồng quản trị phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 theo đề xuất của Ban kiểm soát Công ty.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tấn Dương

Số: /NQ-ĐHĐCĐ 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/01/2005 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/02/2017);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp-Thương mại Hữu Nghị ngày 02/11/2016;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số/HN/ĐHĐCĐ/2018 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

* Kết quả thực hiện SXKD năm 2017:

- Doanh thu: 4.770.624.302 đồng;
- Lợi nhuận: - 14.909.960.456 đồng;
- Nộp Ngân sách: 4.472.806.513 đồng.

* Kế hoạch SXKD năm 2018:

- Doanh thu: 7.466.727.273 đồng;
- Lợi nhuận: dự kiến 224.924.916 đồng;
- Nộp Ngân sách (số phải nộp tạm tính): 1.984.000.000 đồng.

2. Các nội dung công việc trọng tâm cần thực hiện:

2.1/Tiếp tục phối hợp với cổ đông lớn để cổ đông hoàn thành việc thoái vốn theo quy định.

2.2/Tiếp tục thực hiện việc tính toán hiệu quả việc sử dụng tài sản của Công ty.

2.3/Tiếp tục việc thanh lý hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông trong dự án tại 279 Nơ Trang Long, Bình Thạnh.

2.4/Công tác giải thể Công ty liên doanh Vikotrade.

2.5/Căn cứ tình hình thực tế tái cấu trúc lại Công ty cho phù hợp trong từng thời điểm.

2.6/Giao TGD rà soát lại công nợ và Báo cáo HĐQT hướng xử lý đối với các công nợ.

2.7/Xét duyệt và ban hành Thang, bảng lương Công ty năm 2018.



2.8/Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các quy chế của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

2.9/Báo cáo và trình ĐHCĐ về tạm dừng thực hiện 3 nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.

2.10/Thực hiện công tác tăng cường quản trị Công ty: Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty và thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC nhằm mục đích tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động của Công ty và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2.11/Xem xét đánh giá 11 công việc đã giao TGD năm 2017 còn tồn đọng chuyển sang thực hiện năm 2018.

2.12/Xem xét phương án sử dụng tài sản của Công ty.

3. Thông qua Tờ trình tạm dừng 3 nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 (Theo Tờ trình số 12/TTr-HĐQT.2018 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của HĐQT Công ty).

4. Thông qua báo cáo tiến trình giải thể Công ty liên doanh Vikotrade (Theo Báo cáo số 47/BC-TGD ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tổng Giám đốc Công ty).

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 (đã kiểm toán). Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi trả cổ tức năm 2017 (Theo Tờ trình số 10/TTr-HĐQT.2018 ngày 11/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty).

- Về mức cổ tức năm 2017: không có (do kết quả hoạt động năm 2017 Lỗ)

- Quỹ đầu tư phát triển: không có (do kết quả hoạt động năm 2017 Lỗ)

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: không có (do kết quả hoạt động năm 2017 Lỗ)

6. Thông qua Báo cáo chi trả thù lao năm 2017 và dự kiến mức thù lao năm 2018 của HĐQT và BKS (Theo Tờ trình số 11/TTr-HĐQT.2018 ngày 11/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty). Cụ thể như sau:

Thù lao năm 2017 cho HĐQT và BKS 144.720.000

Hội đồng quản trị 112.320.000

- Chủ tịch HĐQT: 3.150.000 x 12 37.800.000

- Thành viên HĐQT (3 người): 2.070.000 x 12 x 3 74.520.000

Ban kiểm soát 32.400.000

- Trưởng Ban kiểm soát:

(Hưởng lương chuyên trách, mức lương 8.000.000 đồng/tháng và hỗ trợ tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng. Lợi ích khác: Tiền thưởng, tiền lễ, tết, tiền cơm trưa, phụ cấp xăng, gửi xe và các khoản phúc lợi khác theo mức chung của Văn phòng Công ty (nếu có)).

- TV. Ban kiểm soát (2 người): 1.350.000 x 12 x 2 32.400.000

Dự kiến mức thù lao năm 2018 cho HĐQT và BKS 169.560.000

Hội đồng quản trị 137.160.000

- Chủ tịch HĐQT: 3.150.000 x 12 37.800.000

- Thành viên HĐQT (4 người): 2.070.000 x 12 x 4 99.360.000

Ban kiểm soát 32.400.000

- Trưởng Ban kiểm soát: hưởng lương chuyên trách, mức lương 8.000.000 đồng/tháng và hỗ trợ tiền điện thoại: 200.000 đồng/tháng. Lợi ích khác: Tiền thưởng, tiền lễ, tết, tiền cơm trưa, phụ cấp xăng, gửi xe và các khoản phúc lợi khác theo mức chung của Văn phòng Công ty (nếu có).

- TV. Ban kiểm soát (2 người): 1.350.000 x 12 x 2 32.400.000

7. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 – Phương hướng năm 2018 (Theo Báo cáo số 01/BCDH-BKS-HN ngày 11/6/2018 của Ban kiểm soát Công ty). Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện của Ban kiểm soát năm 2018 như sau:

- Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán đối với công ty đại chúng.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản trị và quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2018.

- Kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản, các quy trình, quy chế của Công ty đảm bảo phù hợp Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

8. Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty (Theo Tờ trình số 13/TTr-HĐQT.2018 ngày 11/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty) – Điều lệ đính kèm.

9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Theo Tờ trình số 14/TTr-HĐQT.2018 ngày 11/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty). – Quy chế đính kèm.

10. Thông qua việc ủy quyền để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2018.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban kiểm soát Công ty giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.

ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: HĐQT.

1./ Ông Lê Tấn Dương

2./ Ông Võ Hồng Phong

3./ Ông Vũ Cương Quyết

4./ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

